

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 1)
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: DAC0210

Tên học phần: Kế toán Công

Mã nhóm lớp học phần: 231_DAC0210_01

Thời gian làm bài (phút): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có (**Chỉ sử dụng Tài liệu giấy**) Không

Cách thức nộp bài phần tự luận: Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM): (10 câu x 0,4 điểm/câu)

Câu 1: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 1a: Đối tượng nào sau đây được theo dõi trên sổ sách kế toán của đơn vị sự nghiệp?

- A. Nhà riêng của công chức, viên chức.
- B. Xe hơi của đơn vị sự nghiệp.
- C. Máy móc nhận giữ hộ.
- D. Nhà riêng của công chức, viên chức và máy móc nhận giữ hộ .

ANSWER: A

Câu 1b: Đối tượng nào sau đây không được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng của vị sự nghiệp?

- A. Máy móc nhận giữ hộ.
- B. Xe hơi của đơn vị sự nghiệp.
- C. Nhà riêng của công chức, viên chức.
- D. Nhà riêng của công chức, viên chức và máy móc nhận giữ hộ .

ANSWER: A

Câu 2: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 2a: Phát biểu nào sau đây SAI về báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước (BCQT NSNN) của đơn vị hành chính sự nghiệp (HCSN)?

A. BCQT NSNN cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ trong đơn vị HCSN

B. BCQT NSNN cung cấp thông tin phục vụ việc đánh giá tình hình tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật về NSNN và các cơ chế tài chính khác mà đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện.

C. BCQT NSNN là báo cáo bắt buộc phải lập đối với các đơn vị HCSN có sử dụng NSNN.

D. BCQT NSNN tổng hợp tình hình tiếp nhận và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước của đơn vị HCSN.

ANSWER: A

Câu 2b: Phát biểu nào sau đây SAI về báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước (BCQT NSNN) của đơn vị sự nghiệp?

A. BCQT NSNN là báo cáo bắt buộc phải lập đối với các đơn vị HCSN có hoặc không có sử dụng NSNN.

B. BCQT NSNN cung cấp thông tin phục vụ việc đánh giá tình hình tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật về NSNN và các cơ chế tài chính khác mà đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện.

C. BCQT NSNN được trình bày chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước.

D. BCQT NSNN tổng hợp tình hình tiếp nhận và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước của đơn vị hành chính sự nghiệp (HCSN).

ANSWER: A

Câu 3: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 3a: Được bên viện trợ chuyển thẳng tiền thanh toán tiền cho chuyên gia thực hiện dự án, đơn vị đã nhận chứng từ là Lệnh ghi thu – ghi chi, kế toán ghi:

A. Nợ TK 612/Có TK 512 đồng thời ghi Nợ TK 004 và ghi Có TK 004

B. Nợ TK 612/Có TK 112 đồng thời ghi Nợ TK 004 và ghi Có TK 004

C. Nợ TK 612/Có TK 512 đồng thời ghi Nợ TK 004

D. Nợ TK 612/Có TK 112 đồng thời ghi Nợ TK 004

ANSWER: A

Câu 3b: Được bên viện trợ chuyển thẳng tiền thanh toán tiền cho nhà cung cấp thực hiện dự án, đơn vị đã nhận chứng từ là Lệnh ghi thu – ghi chi, kế toán ghi:

A. Nợ TK 612/Có TK 512 đồng thời ghi Nợ TK 004 và ghi Có TK 004

B. Nợ TK 612/Có TK 112 đồng thời ghi Nợ TK 004 và ghi Có TK 004

C. Nợ TK 612/Có TK 512 đồng thời ghi Nợ TK 004

D. Nợ TK 612/Có TK 112 đồng thời ghi Nợ TK 004

ANSWER: A

Câu 4: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 4a: Xuất quỹ tiền mặt thanh toán tiền mua văn phòng phẩm dùng phục vụ cho hoạt động hành chính của đơn vị là 1.200.000, phục vụ cho bộ phận quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh là 1.300.000, kế toán ghi:

Nợ TK 61112 1.200.000

Nợ TK 6422 1.300.000

 Có TK 1111 2.500.000

Đồng thời ghi:

A. Nợ TK 3371: 1.200.000/Có TK 511: 1.200.000

B. Nợ TK 3371: 2.500.000/Có TK 511: 2.500.000

C. Nợ TK 3661: 2.500.000/Có TK 511: 2.500.000

D. Nợ TK 3661: 1.200.000/Có TK 511: 1.200.000

ANSWER: A

Câu 4b: Xuất quỹ tiền mặt thanh toán tiền mua văn phòng phẩm dùng phục vụ cho hoạt động hành chính của đơn vị là 1.300.000, phục vụ cho bộ phận quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh là 1.700.000, kế toán ghi:

Nợ TK 61112 1.300.000

Nợ TK 6422 1.700.000

 Có TK 1111 3.000.000

Đồng thời ghi:

A. Nợ TK 3371: 1.300.000/Có TK 511: 1.300.000

B. Nợ TK 3371: 3.000.000/Có TK 511: 3.000.000

C. Nợ TK 3661: 3.000.000/Có TK 511: 3.000.000

D. Nợ TK 3661: 1.300.000/Có TK 511: 1.300.000

ANSWER: A

Câu 5: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 5a: Kế toán phát hiện số tiền mặt thiếu chưa rõ nguyên nhân của kỳ trước là do đơn vị hạch toán sót nghiệp vụ chi tiền mặt tạm ứng tiền lương cho cán bộ phòng hành chính, kế toán ghi:

- A. Nợ TK 334/Có TK 1388
- B. Nợ TK 141/Có TK 1388
- C. Nợ TK 334/Có TK 111
- D. Nợ TK 141/Có TK 111

ANSWER: A

Câu 5b: Kiểm kê quỹ kết quả phát hiện số tiền mặt thiếu là do đơn vị hạch toán sót nghiệp vụ chi tiền mặt tạm ứng tiền lương cho cán bộ phòng hành chính, kế toán ghi:

- A. Nợ TK 334/Có TK 111
- B. Nợ TK 1388/Có TK 111
- C. Nợ TK 611/Có TK 111
- D. Nợ TK 141/Có TK 111

ANSWER: A

Câu 6: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 6a: Đơn vị quyết định tạm chi bổ sung thu nhập tăng thêm cho người lao động trong quý 1, kế toán ghi:

- A. Nợ TK 1371/Có TK 334
- B. Nợ TK 334/Có TK 1371
- C. Nợ TK 4313/Có TK 334
- D. Nợ TK 334/Có TK 4313

ANSWER: A

Câu 6b: Đơn vị quyết định bổ sung thu nhập tăng thêm cho người lao động trong quý 1, kế toán ghi:

- A. Nợ TK 4313/Có TK 334
- B. Nợ TK 334/Có TK 1371
- C. Nợ TK 1371/Có TK 334
- D. Nợ TK 334/Có TK 4313

ANSWER: A

Câu 7: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 7a: Ngày 1/5/N, rút dự toán đầu tư xây dựng cơ bản tạm ứng thanh toán tiền xây dựng thư viện là 600.000.000đ. Chi hoạt động xây dựng cơ bản lũy kế đến ngày 1/5/N là 760.000.000đ, kế toán ghi:

A. Nợ TK 2412: 600.000.000/Có TK 3664: 600.000.000; đồng thời ghi Có TK 00921: 600.000.000

B. Nợ TK 2412: 760.000.000/Có TK 3664: 760.000.000; đồng thời ghi Có TK 00921: 760.000.000

C. Nợ TK 2412: 600.000.000/Có TK 3664: 600.000.000

D. Nợ TK 2412: 760.000.000/Có TK 3664: 760.000.000

ANSWER: A

Câu 7b: Ngày 1/5/N, rút dự toán đầu tư xây dựng cơ bản tạm ứng thanh toán tiền xây dựng thư viện là 500.000.000đ. Chi hoạt động xây dựng cơ bản lũy kế đến ngày 1/5/N là 760.000.000đ, kế toán ghi:

A. Nợ TK 2412: 500.000.000/Có TK 3664: 500.000.000; đồng thời ghi Có TK 00921: 600.000.000

B. Nợ TK 2412: 760.000.000/Có TK 3664: 760.000.000; đồng thời ghi Có TK 00921: 760.000.000

C. Nợ TK 2412: 500.000.000/Có TK 3664: 500.000.000

D. Nợ TK 2412: 760.000.000/Có TK 3664: 760.000.000

ANSWER: A

Câu 8: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 8a: Trích tình hình công cụ dụng cụ tại đơn vị sự nghiệp Z. Số dư đầu kỳ TK 153 là 10.000.000đ (chi tiết 10 chiếc công cụ X). Ngày 15/1/N, mua nhập kho 10 chiếc công cụ X, giá mua gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 9.500.000đ, chi phí vận chuyển công cụ về công ty là 500.000đ. Hỏi ngày 3/5 trị giá xuất kho 15 chiếc công cụ X là bao nhiêu. Biết đơn vị áp dụng xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

A. 14.625.000đ

B. 15.000.000đ

C. 14.750.000đ

D. 1.000.000đ

ANSWER: A

Câu 8b: Trích tình hình công cụ dụng cụ tại đơn vị sự nghiệp Z. Số dư đầu kỳ TK 153 là 10.000.000đ (chi tiết 10 chiếc công cụ X). Ngày 15/1/N, mua nhập kho 10 chiếc công cụ X, giá mua gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 9.500.000đ, chi phí vận chuyển công cụ về

công ty là 500.000đ. Hỏi ngày 3/5 trị giá xuất kho 15 chiếc công cụ X là bao nhiêu. Biết đơn vị áp dụng xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp Nhập trước Xuất trước FIFO.

- A. 14.750.000đ
- B. 15.000.000đ
- C. 14.625.000đ
- D. 1.000.000đ

ANSWER: A

Câu 9: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 9a: Nhận được quyết định bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp do đơn vị nội bộ phải nộp, kế toán đơn vị có quỹ phản ánh?

- A. Nợ TK 136/Có TK 4314
- B. Nợ TK 136/Có TK 421
- C. Nợ TK 4314/Có TK 336
- D. Nợ TK 336/Có TK4314

ANSWER: A

Câu 9b: Nhận được quyết định hình thành quỹ theo cơ chế tài chính, kế toán đơn vị có quỹ phản ánh?

- A. Nợ TK 421/Có TK 4314
- B. Nợ TK 4314/Có TK 421
- C. Nợ TK4314 /Có TK 136
- D. Nợ TK 136/Có TK4314

ANSWER: A

Câu 10: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 10a: Tại đơn vị HCNS A có số dư cuối năm của một số tài khoản: TK 511: 300.000.000đ; TK 531: 500.000.000đ; TK 611: 290.000.000đ; Tk 642: 180.000.000đ; TK 811: 80.000.000; TK 632: 300.000.000. Hỏi đáp án nào dưới đây phản ánh bút toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

- A. Nợ TK 9112: 20.000.000/Có TK 4212: 20.000.000
- B. Nợ TK 4212: 60.000.000/Có TK 9112: 60.000.000
- C. Nợ TK 9112: 30.000.000/Có TK 4212: 30.000.000
- D. Nợ TK 4212: 50.000.000/Có TK 9112: 50.000.000

ANSWER: A

Câu 10b: Tại đơn vị HCNS A có số dư cuối năm của một số tài khoản: TK 511: 300.000.000đ; TK 531: 500.000.000đ; TK 611: 290.000.000đ; Tk 642: 180.000.000đ; TK 811: 80.000.000; TK 632: 300.000.000. Hỏi phát sinh bên Nợ TK 9112 là bao nhiêu.

A. 480.000.000đ

B. 560.000.000đ

C. 850.000.000đ

D. 300.000.000đ

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Random 1 trong 2 bài dưới đây

Bài TL A: (6,0 điểm)

Trích dữ liệu kế toán tại một đơn vị dự toán ngân sách, bệnh viện công lập A như sau:

- **Chính sách kế toán áp dụng:**

- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;

- **Số dư ngày 01/03/N của một số tài khoản như sau:**

- TK 00821: 3.000.000.000đ
- TK 01221: 80.000.000đ
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

- **Trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 3/N**

1a. Ngày 05, bệnh viện lập hội đồng thanh lý 1 máy chụp X quang, có nguyên giá 1.000.000.000đ, đã hao mòn lũy kế là 800.000.000đ, chi phí thanh lý là 20.000.000đ thanh toán bằng chuyển khoản, thu thanh lý là 230.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và thu tiền bán hồ sơ thầu mua tài sản cố định là 2.500.000đ thu bằng tiền mặt. Biết theo cơ chế tài chính, số chênh lệch thu lớn hơn chi thanh lý được để lại đơn vị. **(2,0 điểm)**

2a. Ngày 07, bệnh viện mua nhập kho găng tay phẫu thuật giá chưa thuế là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho nhà cung cấp X. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 220.000đ, thanh toán bằng tiền mặt. **(1,5 điểm)**

3a. Ngày 10, bệnh viện thực hiện rút dự toán chi hoạt động thanh toán nợ cho nhà cung cấp X là 33.000.000đ, còn lại thanh toán lương tháng 2 cho cán bộ nhân viên là 168.000.000đ **(0,75 điểm)**

4a. Ngày 12, bệnh viện thu viện phí bằng tiền mặt là 75.000.000đ. **(0,5 điểm)**

5a. Ngày 18, bệnh viện chuyển khoản tiền (nguồn tiền từ lệnh chi tiền thực chi) tổ chức tập huấn kỹ năng chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng là 80.000.000đ **(1,25 điểm)**

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị

Bài TL B: (6,0 điểm)

Trích dữ liệu kế toán tại một đơn vị dự toán ngân sách, bệnh viện công lập A như sau:

- **Chính sách kế toán áp dụng:**

- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;

- **Số dư ngày 01/03/N của một số tài khoản như sau:**

- TK 00821: 3.000.000.000đ
- TK 01221: 50.000.000đ
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

- **Trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 3/N**

1b. Ngày 02, bệnh viện thu viện phí bằng tiền mặt là 85.000.000đ. **(0,5 điểm)**

2b. Ngày 06, bệnh viện chuyển khoản tiền (nguồn tiền từ lệnh chi tiền thực chi) tổ chức tập huấn kỹ năng chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng là 50.000.000đ **(1,25 điểm)**

3b. Ngày 09, bệnh viện mua nhập kho găng tay phẫu thuật giá chưa thuế là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho nhà cung cấp X. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 220.000đ, thanh toán bằng tiền mặt. **(1,5 điểm)**

4b. Ngày 12, bệnh viện thực hiện rút dự toán chi hoạt động thanh toán nợ cho nhà cung cấp X là 33.000.000đ, còn lại thanh toán lương tháng 2 cho cán bộ nhân viên là 168.000.000đ **(0,75 điểm)**

5b. Ngày 25, bệnh viện lập hội đồng thanh lý 1 máy chụp X quang, có nguyên giá 1.000.000.000đ, đã hao mòn lũy kế là 800.000.000đ, chi phí thanh lý là 20.000.000đ thanh toán bằng chuyển khoản, thu thanh lý là 230.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và thu tiền

bán hồ sơ thầu mua tài sản cố định là 2.500.000đ thu bằng tiền mặt. Biết theo cơ chế tài chính, số chênh lệch thu lớn hơn chi thanh lý được để lại đơn vị. (2,0 điểm)

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị

ĐÁP ÁN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài TL 1 A: (6,0 điểm)

1a. Ngày 05, bệnh viện lập hội đồng thanh lý 1 máy chụp X quang, có nguyên giá 1.000.000.000đ, đã hao mòn lũy kế là 800.000.000đ, chi phí thanh lý là 20.000.000đ thanh toán bằng chuyển khoản, thu thanh lý là 230.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và thu tiền bán hồ sơ thầu mua tài sản cố định là 2.500.000đ thu bằng tiền mặt. Biết theo cơ chế tài chính, số chênh lệch thu lớn hơn chi thanh lý được để lại đơn vị. (2,0 điểm)

- Ghi giảm TSCĐ khi thanh lý: (0,5 điểm)

Nợ TK 36611 200.000.000

Nợ TK 214 800.000.000

 Có TK 211 1.000.000.000

- Chi phí thanh lý tài sản cố định: (0,5 điểm)

Nợ TK 811 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

- Phản ánh về số thu thanh lý TSCĐ: (0,5 điểm)

Nợ TK 112 230.000.000

 Có TK 711 230.000.000

- Phản ánh về số thu tiền bán hồ sơ thầu: (0,5 điểm)

Nợ TK 111 2.500.000

 Có TK 711 2.500.000

2a. Ngày 07, kế toán mua nhập kho găng tay phẫu thuật giá chưa thuế là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho nhà cung cấp X. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 220.000đ, thanh toán bằng tiền mặt. (1,5 điểm)

- Giá mua : (0,5 điểm)

Nợ TK 153 33.000.000

 Có TK 331X 33.000.000

- Chi phí mua: (0,5 điểm)

Nợ TK 611 220.000

Có TK 111 220.000

- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)

Nợ TK 3371 220.000

Có TK 511 220.000

3a. Ngày 10, bệnh viện thực hiện rút dự toán chi hoạt động thanh toán nợ cho nhà cung cấp X là 33.000.000đ, còn lại thanh toán lương tháng 2 cho cán bộ nhân viên là 168.000.000đ **(0,75 điểm)**

- Thanh toán nợ nhà cung cấp, trả lương: (0,5 điểm)

Nợ TK 331X 33.000.000

Nợ TK 334 168.000.000

Có TK 3661 33.000.000

Có TK 511 168.000.000

- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)

Có TK 008 33.168.000

4.a Ngày 12, bệnh viện thu viện phí bằng tiền mặt là 75.000.000đ. **(0,5 điểm)**

- Thu viện phí: (0,5 điểm)

Nợ TK 111 75.000.000

Có TK 531 75.000.000

5a. Ngày 18, bệnh viện chuyển khoản tiền (nguồn tiền từ lệnh chi tiền thực chi) tổ chức tập huấn kỹ năng chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng là 80.000.000đ **(1,25 điểm)**

- Chuyển khoản : (0,5 điểm)

Nợ TK 611 80.000.000

Có TK 112 80.000.000

- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)

Có TK 01221 80.000.000

- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)

Nợ TK 3371 80.000.000

Có TK 511 80.000.000

Bài TL B: (8,0 điểm)

1b. Ngày 02, bệnh viện thu viện phí bằng tiền mặt là 85.000.000đ. **(0,5 điểm)**

- Thu viện phí: (0,5 điểm)

Nợ TK 111 75.000.000

Có TK 531 75.000.000

2b. Ngày 06, bệnh viện chuyển khoản tiền (nguồn tiền từ lệnh chi tiền thực chi) tổ chức tập huấn kỹ năng chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng là 50.000.000đ **(1,25 điểm)**

- Chuyển khoản : (0,5 điểm)

Nợ TK 611 50.000.000

 Có TK 112 50.000.000

- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)

Có TK 01221 50.000.000

- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)

Nợ TK 3371 50.000.000

 Có TK 511 50.000.000

3b. Ngày 09, kế toán mua nhập kho găng tay phẫu thuật giá chưa thuế là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho nhà cung cấp X. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 220.000đ, thanh toán bằng tiền mặt. **(1,5 điểm)**

- Giá mua : (0,5 điểm)

Nợ TK 153 33.000.000

 Có TK 331X 33.000.000

- Chi phí mua: (0,5 điểm)

Nợ TK 611 220.000

 Có TK 111 220.000

- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)

Nợ TK 3371 220.000

 Có TK 511 220.000

4b. Ngày 12, bệnh viện thực hiện rút dự toán chi hoạt động thanh toán nợ cho nhà cung cấp X là 33.000.000đ, còn lại thanh toán lương tháng 2 cho cán bộ nhân viên là 168.000.000đ **(0,75 điểm)**

- Thanh toán nợ nhà cung cấp, trả lương: (0,5 điểm)

Nợ TK 331X 33.000.000

Nợ TK 334 168.000.000

 Có TK 3661 33.000.000

 Có TK 511 168.000.000

- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)

Có TK 008 33.168.000

5b. Ngày 25, bệnh viện lập hội đồng thanh lý 1 máy chụp X quang, có nguyên giá 1.000.000.000đ, đã hao mòn lũy kế là 800.000.000đ, chi phí thanh lý là 20.000.000đ thanh toán bằng chuyển khoản, thu thanh lý là 230.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và thu tiền bán hồ sơ thầu mua tài sản cố định là 2.500.000đ thu bằng tiền mặt. Biết theo cơ chế tài chính, số chênh lệch thu lớn hơn chi thanh lý được để lại đơn vị. **(2,0 điểm)**

- Ghi giảm TSCĐ khi thanh lý: (0,5 điểm)

Nợ TK 36611 200.000.000

Nợ TK 214 800.000.000

Có TK 211 1.000.000.000

- Chi phí thanh lý tài sản cố định: (0,5 điểm)

Nợ TK 811 20.000.000

Có TK 112 20.000.000

- Phản ánh về số thu thanh lý TSCĐ: (0,5 điểm)

Nợ TK 112 230.000.000

Có TK 711 230.000.000

- Phản ánh về số thu tiền bán hồ sơ thầu: (0,5 điểm)

Nợ TK 111 2.500.000

Có TK 711 2.500.000

Ngày biên soạn: 09/11/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Lê Ngọc Anh

Ngày kiểm duyệt: 13/11/2023

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: ThS. Phan Minh Nguyệt

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhật Linh **(0918.01.03.09)**.

Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.